

Số: 853 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 5 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-BNN-KH ngày 28/2/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Tiếp theo Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Căn cứ văn bản số 440/DANN-QSEAP ngày 04/3/2013 của Ban quản lý các dự án nông nghiệp về việc kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2013;

Xét Tờ trình số 52/TTr-SNN ngày 02/5/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2013 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học với những nội dung chính như sau:

a) Tổng vốn: 49.468 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ADB: 42.533 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 6.935 triệu đồng.

b) Chi tiết từng hợp phần:

- Hợp phần 1: Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp, an toàn chất lượng: 312 triệu đồng.

- Hợp phần 2 - Đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ sản xuất: 47.970 triệu đồng.

- Hợp phần 3 - Phát triển chương trình khí sinh học: 146 triệu đồng.

- Hợp phần 4 - Quản lý dự án: 1.040 triệu đồng.

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tổ chức thực hiện theo đúng quy định của dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /  
*ch*

**Nơi nhận :**

- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NN, TC;

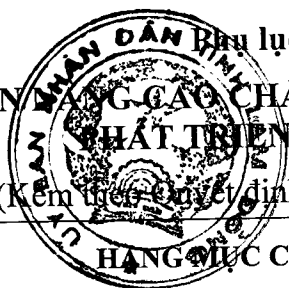
**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm S**

**Phụ lục I: KẾ HOẠCH CHI TIẾT NĂM 2013**  
**DỰ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP VÀ**  
**PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC (QSEAP)**

(Kèm theo Quyết định số 853 /QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của UBND tỉnh)



STT	HẠNG MỤC CHI TIÊU	Chi tiêu giải ngân kế hoạch vốn ĐTXDCB năm 2013					
		1.000USD			Triệu VND		
		Tổng	ADB	ĐƯ	Tổng	ADB	ĐƯ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,378</b>	<b>2,045</b>	<b>333</b>	<b>49,468</b>	<b>42,533</b>	<b>6,935</b>
<b>I</b>	<b>HP1. Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>312</b>	<b>97</b>	<b>215</b>
1.1	Hỗ trợ để xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cây trồng	15	5	10	312	97	215
<b>II</b>	<b>HP2. Đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ sản xuất</b>	<b>2,306</b>	<b>2,018</b>	<b>288</b>	<b>47,970</b>	<b>41,982</b>	<b>5,988</b>
1	Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ)	28	25	2.8	588	529	59
1.1	Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ)	28	25	2.8	588	529	59
2	Phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng SAZ	1,228	1,048	180	25,542	21,797	3,745
2.1	Thiết kế mô hình SAZ: Lập Tiểu dự án cho mô hình SAZ (bao gồm cả lập và đánh giá HSMT)	105	95	11	2,192	1,973	219
2.2	Giám sát xây dựng mô hình SAZ	13	-	13	273	-	273
2.3	Chi phí xây lắp cơ sở hạ tầng	1,059	953	106	22,027	19,824	2,203
2.4	Chi phí khác (thăm tra thiết kế, thẩm định BC KTKT, bảo hiểm công trình,...)	50	-	50	1,050	-	1,050
3	Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm	100	90	10	2,080	1,872	208
3.1	Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm và xây dựng năng lực giám sát và đánh giá cấp tỉnh	100	90	10	2,080	1,872	208
4	Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại	50	45	5	1,040	936	104
4.1	Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại	50	45	5	1,040	936	104
5	Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh	900	810	90	18,720	16,848	1,872
5.1	Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh	900	810	90	18,720	16,848	1,872
<b>III</b>	<b>HP3. Phát triển chương trình khí sinh học</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>146</b>	<b>131</b>	<b>15</b>
1	Hỗ trợ xây dựng công trình KSH	7	6	1	146	131	15
2	Hỗ trợ tài chính cho các công trình KSH	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>HP4. Quản lý dự án</b>	<b>50</b>	<b>16</b>	<b>35</b>	<b>1,040</b>	<b>322</b>	<b>718</b>
1	Tủ, bàn ghế và đồ dùng khác	-	-	-	-	-	-
2	Chi thường xuyên	50	16	35	1,040	322	718